

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 95/2023/HS-PT
Ngày: 13-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông **Phan Minh T** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2023/TLPT-HS ngày 06/11/2023 đối với bị cáo **Cao N Phải** và **Lê Thị Huyền T1** do có kháng cáo của bị cáo và bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2023/HS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Cao Nghĩ P, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Số A, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông **Cao Văn C** và bà **Phạm Thị Ó**; sống chung như vợ chồng với **Lê Thị Huyền T1**; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Thị Huyền T1, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Số F, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: **Số A, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông **Lê Văn N1** và bà **Nguyễn Thị Ngọc T2**; sống chung như vợ chồng với **Cao N Phải**; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại có kháng cáo: **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1955; nơi cư trú: **Số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Nghĩ Phải biết trước đối với khu vườn của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1955, ở Số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre không có người trông coi và có nhiều cây mai vàng nên nảy sinh ý định bứng trộm mai vàng của bà Y về nhà trồng. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/4/2023, P rủ vợ tên Lê Thị Huyền T1 cùng đi bứng trộm mai về nhà trồng thì T1 đồng ý. Phải mang theo 01 con dao và chở T1 bằng xe mô tô Biển số 71B4-878.58 của Phải đi từ nhà ở Số A, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre đến vườn dừa của bà Y. Trên đường đi, Phải ghé vào 01 cửa hàng tạp hoá (không nhớ rõ địa chỉ) mua 01 cái cửa dùng để cửa cây. Khi đến đoạn đường vào vườn của bà Y, P dùng xe kêu T1 đứng đợi. T1 đứng ngoài giữ xe và cảnh giới cho P còn P vào bên trong, dùng dao đào trộm 03 cây mai vàng. Sau khi đào trộm được 03 cây mai vàng, P dùng cửa cắt tia ngọn và cành rồi lần lượt mang ra vị trí Trân đang đứng đợi rồi Phải lên xe ngồi, Trân chuyển từng gốc mai lên xe cho Phải; 01 gốc mai Phải để phía trước còn 02 gốc mai Trân ngồi sau ôm cho P chở mai vàng về nhà cất giấu. Khoảng 07 giờ ngày 26/4/2023, P và T1 tiếp tục đến khu vực phía sau vườn của bà Y đào trộm 01 cây mai tứ quý và đem về nhà cất giấu. Sau đó, hành vi của P, T1 bị phát hiện. Phải đã giao cho Công an xã M 03 cây mai vàng và 01 cây mai tứ quý.

Vật chứng thu giữ do Cao Nghĩ Phải giao nộp: 01 (một) cây mai vàng cao 50cm, bề hoành 37cm; 01 (một) cây mai vàng cao 75cm, bề hoành 37cm; 01 (một) cây mai vàng cao 90cm, bề hoành 40cm; 01 (một) cây mai tứ quý cao 1,56m, bề hoành 26cm; 01 (một) áo thun Nam tay dài màu đen, trắng; 01 (một) quần Jean Nam ngắn màu xám, đen; 01 (một) áo thun Nữ tay dài màu xanh, đen, đỏ; 01 (một) cây cửa dài 29cm, cán gỗ màu nâu dài 16,5cm, lưỡi sắt màu đen dài 14cm, lưỡi xếp; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda Wave, màu: xanh, đen, bạc, B số: 71B4-878.58.

Tại Kết luận định giá tài sản số 340/KL-HĐĐG ngày 23/5/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 cây mai vàng cao 50cm, hoành 37cm có giá trị tài sản ngày 25/4/2023 là 800.000 đồng; 01 cây mai vàng cao 75cm, hoành 37cm: giá trị tài sản có giá trị tài sản ngày 25/4/2023 là 800.000 đồng; 01 cây mai vàng cao 90cm, hoành 40cm có giá trị tài sản ngày 25/4/2023 là 1.000.000 đồng; 01 cây mai tứ quý cao 1,56m, hoành 26cm có giá trị tài sản ngày 25/4/2023 là 700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cao Nghĩ P, Lê Thị Huyền T1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật

chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2023/HS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Cao Nghĩ P**, **Lê Thị Huyền T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Cao N** Phải 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm n, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Huyền T1** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2023).

Giao bị cáo **Lê Thị Huyền T1** cho Ủy ban Nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngày 11/10/2023, bị cáo **Cao N** Phải kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Ngày 12/10/2023, bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** kháng cáo yêu cầu cho bị cáo **Cao N** Phải được hưởng án treo và bị cáo **Lê Thị Huyền T1** được giảm án đến mức thấp nhất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Cao Nghĩ P**, bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo **Cao Nghĩ P**, bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Cao Nghĩ P**, **Lê Thị Huyền T1** “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, xử phạt bị cáo **Cao N** phải 09 tháng tù; bị cáo **Lê Thị Huyền T1** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Xét kháng cáo của bị cáo **P**, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo và có kháng cáo yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo, vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo **P** và bị hại về hình phạt đối

với bị cáo **P**. Đối với bị cáo **Lê Thị Huyền T1** tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt đối với bị cáo **T1**. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Cao N** Phải và của bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo **P**; không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt đối với bị cáo **T1**. Tuyên bố bị cáo **Cao N** Phải phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Cao N** Phải 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 13/12/2023. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm n, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thị Huyền T1** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo về cho **Ủy ban nhân dân xã T, huyện G** giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận;

Bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** không tranh luận;

Các bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Cao Nghĩ P** và bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo, bị hại phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, **Cao N** Phải cùng **Lê Thị Huyền T1** đã có hành vi lén lút bứng trộm 01 cây mai vàng cao 50cm, bề hoành 37cm trị giá 800.000 đồng; 01 cây mai vàng cao 75cm, bề hoành 37cm trị giá 800.000 đồng và 01 cây mai vàng cao 90cm, bề hoành 40cm trị giá 1.000.000 đồng của bà **Nguyễn Thị Ngọc Y** ở **Số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Tổng giá trị tài sản sản Phải và **T1** chiếm đoạt của bà **Y** là 2.600.000 đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Cao N Phải** và **Lê Thị Huyền Trân p** “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Cao Nghĩ P** và bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y**, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đang nuôi con nhỏ và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo **T1** đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là phụ nữ có thai theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét kháng cáo của bị cáo **Cao Nghĩ P** và bị hại **Nguyễn Thị Ngọc Y** đối với bị cáo **Cao N Phải** thấy rằng, về tính chất vụ án. Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn chỉ có hai người thực hiện, do **P** và **T1** sống chung như vợ chồng nên khi **P** rủ **T1** đi trộm mai về trồng thì **T1** đồng ý. Xét hoàn cảnh của các bị cáo hiện đang khó khăn cả hai bị cáo không có việc làm ổn định, do **P** và **T1** sống với nhau như vợ chồng và có 02 con chung (một 08 tuổi và một 03 tuổi) (theo Bản án sơ thẩm xác định), bị cáo **T1** đang mang thai sắp sinh con, khi bị cáo **T1** sinh con thì bị cáo **Phải** thuộc trường hợp là lao động chính duy nhất tạo thu nhập và lo cho nhiều người. Tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn (vừa trên mức khởi điểm của định lượng), gây thiệt hại không lớn, bị hại kháng cáo tiếp tục yêu cầu cho bị cáo **P** được hưởng án treo. Về nhân thân bị cáo **P** chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Xét bị cáo **P** có đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **P** và bị hại về hình phạt đối với bị cáo **P**.

Đối với kháng cáo của bị hại giảm hình phạt cho bị cáo **Lê Thị Huyền T1**, thấy rằng, tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T1** 06 tháng tù là mức thấp nhất của khung hình phạt và đã xem xét cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên, không chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với bị cáo **T1**.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo **Cao Nghĩ Phải** không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **P** và một phần kháng cáo của bị hại, sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo **P**.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Cao Nghĩ P, Lê Thị Huyền Trân p** “Tội trộm cắp tài sản”.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao N Phải 09** (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 13 tháng 12 năm 2023.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm n, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Huyền T1** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29 tháng 9 năm 2023.

1.3. Giao bị cáo **Cao N2 Phải** và bị cáo **Lê Thị Huyền T1** cho Ủy ban nhân dân xã **T, huyện G, tỉnh Bến Tre** cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Cao Nghĩ P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre(6b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm(1b);
- Bị cáo (2b);
- Bị hại (1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh